



BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 5 tháng 5 (27-31/5/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

Lạm phát ở Mỹ khớp dự báo trong khi lần đầu tiên tăng ở khu vực EURO trong 5 tháng qua;

Tỷ lệ thất nghiệp tháng 4/2024: Khu vực EURO giảm xuống mức thấp nhất, ổn định ở Nhật Bản nhưng tăng nhẹ ở nền kinh tế lớn nhất thế giới;

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 1,3%, thấp hơn ước tính sơ bộ;

FED cần chờ thêm dữ liệu; Khả năng ECB hạ lãi suất là rất cao

Giá dầu thế giới có tháng giảm mạnh nhất trong 5 tháng qua;

Giá vàng thế giới tăng 1,8% trong tháng 5.

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

Tình hình kinh tế, tài chính 5 tháng đầu năm có nhiều điểm tích cực;

NHNN yêu cầu thực hiện một số giải pháp về tín dụng và lãi suất, phấn đấu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến hết Quý II năm 2024 ở mức 5-6%;

NHNN trực tiếp bán vàng cho 4 NHTM lớn để bán ra thị trường;

Khu vực sản xuất đã cải thiện nhẹ tháng thứ hai liên tiếp (theo S&P Global);

Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn;

Trên thị trường mở, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở 2 kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với khối lượng là 30.000 tỷ VND, lãi suất giữ ở mức 4,5%;

NHNN hút ròng 39.704,48 tỷ VND từ thị trường qua kênh OMO;

Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm đan xen qua các phiên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ TUẦN 5 THÁNG 5

(27-31/5/2024)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	12/06/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	14/06/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/04/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/06/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	20/06/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	11/07/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	20/06/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	07/06/2024

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo tuần	+/_% theo tháng	+/_% Y/Y
EURUSD	1.08463	0.00%	1.21%	0.79%
GBPUSD	1.27420	0.04%	1.64%	1.73%
AUDUSD	0.66531	0.38%	1.89%	1.26%
USDJPY	157.272	0.23%	0.99%	13.32%
USDCNY	7.26172	0.01%	0.36%	2.23%
USDCAD	1.36273	-0.27%	-0.71%	1.32%
USDRUB	90.1000	0.64%	-1.89%	11.24%
USDKRW	1383.03	1.22%	0.39%	5.36%
DXY	104.623	-0.12%	-1.03%	1.03%
USDTHB	36.8300	0.52%	-0.47%	6.51%
USDSGD	1.35110	0.10%	-0.66%	0.24%

Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
United States	4.5025	0.04%	-0.14%	0.89%
United Kingdom	4.3211	0.06%	-0.05%	0.20%
Japan	1.0746	0.06%	0.18%	0.65%
Australia	4.4460	0.13%	-0.04%	0.81%
Germany	2.6630	0.08%	0.08%	0.40%
China	2.3295	0.02%	0.01%	-0.39%
Singapore	3.3570	0.07%	-0.10%	0.47%
South Korea	3.5780	0.06%	-0.06%	0.03%
Taiwan	1.5950	0.01%	-0.06%	0.41%
Thailand	2.8150	-0.02%	0.00%	0.36%
Vietnam	2.8730	-0.16%	0.02%	-0.36%
Hong Kong	3.8360	0.00%	-0.14%	0.27%
Indonesia	6.9300	0.04%	-0.22%	0.53%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 tuần	+/_% 1 tháng	+/_% sv đầu năm	+/_% sv 1Y	+/_% sv 3 Y
Dow Jones	-0.98%	+0.03%	+2.64%	+14.58%	+11.88%
S&P 500	-0.51%	+2.92%	+10.64%	+23.24%	+25.87%
Nasdaq	-1.10%	+3.58%	+11.48%	+26.39%	+22.92%
DAX	-1.12%	+2.72%	+10.34%	+15.15%	+18.23%
FTSE 100	-0.51%	+0.75%	+7.01%	+8.78%	+17.14%
CAC 40	-1.26%	+0.44%	+5.96%	+9.93%	+22.82%
Euro Stoxx 50	-1.11%	+1.19%	+10.13%	+15.17%	+22.07%
Nikkei 225	-0.39%	+0.68%	+15.03%	+22.11%	+32.48%
Shanghai	-0.07%	-0.58%	+3.76%	-4.44%	-13.88%
Hang Seng	-2.84%	-2.15%	+6.05%	-4.59%	-37.58%
SET	-1.38%	-1.77%	-4.96%	-12.12%	-16.81%
KOSPI	-1.91%	-1.51%	-0.72%	+1.34%	-18.82%

Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y	3.Khoáng sản Lương thực	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
Crude Oil USD/Bbl	77.180	-0.69%	-2.30%	9.94%	Copper USD/Lbs	4.6020	-3.19%	1.23%	24.01%
Natural gas USD/MMBtu	2.5790	-7.00%	33.49%	13.46%	Steel CNY/T	3519.00	-2.36%	-0.90%	0.00%
Gasoline USD/Gal	2.4197	-2.86%	-5.94%	1.83%	Aluminum USD/T	2652.50	-0.36%	2.91%	16.21%
Coal USD/T	143.90	0.42%	-2.11%	10.56%	Tin USD/T	33042	-0.56%	7.97%	29.90%
2.Kim loại quý					Zinc USD/T	2969.50	-2.86%	3.07%	30.99%
Gold USD/t.oz	2327.02	-0.27%	0.14%	17.65%	Nikel USD/T	19710	-2.67%	4.40%	-6.96%
Silver USD/t.oz	30.411	0.22%	13.84%	27.22%	Coffee USD/Lbs	220.63	1.11%	1.89%	20.53%
Lithium CNY/T	105500	0.00%	-4.52%	-64.54%	Rice USD/cwt	17.6774	-3.46%	-6.34%	19.56%
Platinum SD/t.oz	1044.30	0.93%	8.21%	3.78%					

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 01/6/2024

A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Lạm phát các nền kinh tế Mỹ và khu vực EURO diễn biến trái chiều

Kỳ vọng lạm phát trong vòng 1 năm tới ở Mỹ trong tháng 5/2024 (tính toán bởi Đại học Michigan) nhích tăng tới mức 3,3% - cao nhất 6 tháng qua nhưng vẫn thấp hơn mức sơ bộ ước tính là 3,5%. Trong khi, kỳ vọng lạm phát trong vòng 1 năm tới ở khu vực EURO trong tháng 5/2024 giảm nhẹ còn 3% từ mức 3,1 của tháng trước – cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 12/2021 (theo khảo sát của ECB).

Lạm phát ở Mỹ khớp dự báo trong khi lần đầu tiên tăng ở khu vực EURO trong 5 tháng qua

Số liệu sơ bộ cho thấy lạm phát (CPI) khu vực EURO tháng 5/2024 đã tăng lần đầu tiên trong 5 tháng qua lên 2,6%, vượt dự báo 2,5%. Trong các nền kinh tế lớn thuộc khu vực này, Đức có tốc độ lạm phát tăng nhanh 2,8%, Ý có mức tăng thấp 0,8%.

CPI toàn phần (tháng 5/tháng trước/dự báo)

YoY: +2,6%/2,4%/2,5%

CPI lõi: YoY: +2,9%/2,7%/2,8%;

Trong khi đó, lạm phát ở Mỹ khớp dự báo khi thước đo lạm phát ưa thích của Fed (PCE) tổng thể (tính đến tháng 4/2024) tăng 2,7% y/y; PCE lõi (loại trừ lương thực và năng lượng) tăng 2,8% nhích cao hơn dự báo 2,7%. Mức PCE toàn phần khớp dự báo và là mức tăng ít nhất kể từ tháng 3/2021, tuy nhiên vẫn cao hơn mức mục tiêu của Fed (2%).

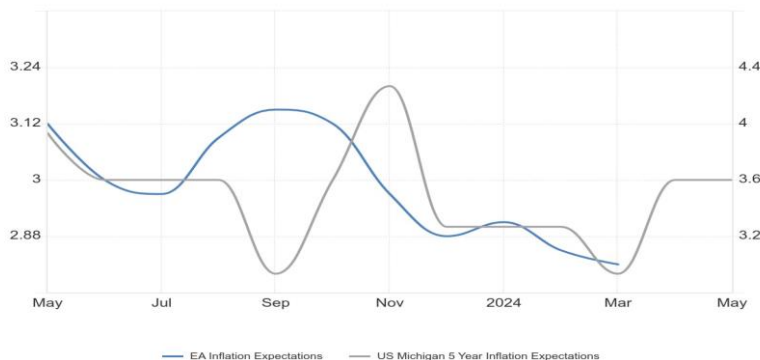
Tỷ lệ thất nghiệp tháng 4/2024: Khu vực EURO giảm xuống mức thấp nhất, ổn định ở Nhật Bản nhưng tăng nhẹ ở Mỹ

Tỷ lệ thất nghiệp khu vực EURO chạm mốc thấp nhất 6,4% so với mốc của tháng trước và thị trường dự báo (đều 6,5%). Trong khu vực, Tây Ban Nha có mức thất nghiệp cao nhất 11,7% và nền kinh tế lớn nhất khu vực là Đức có mức thấp nhất 3,2%.

Tỷ lệ thất nghiệp ở Nhật ổn định tháng thứ 3 liên tiếp ở mức 2,6%, khớp dự báo.

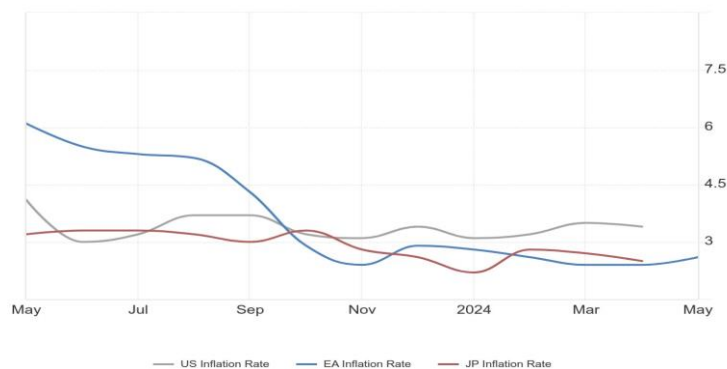
Kỳ vọng lạm phát ở Mỹ và khu vực EURO

Source: tradingeconomics.com



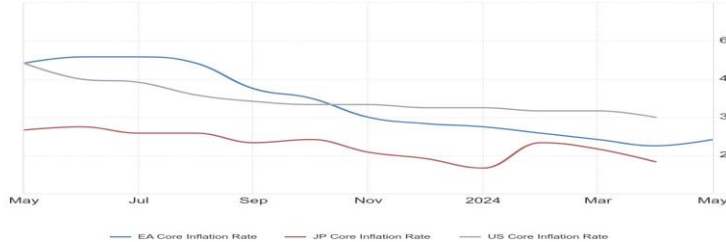
Lạm phát tổng thể ở Mỹ, Nhật Bản và khu vực EURO

Source: tradingeconomics.com



Lạm phát lõi ở Mỹ, Nhật Bản và khu vực EURO

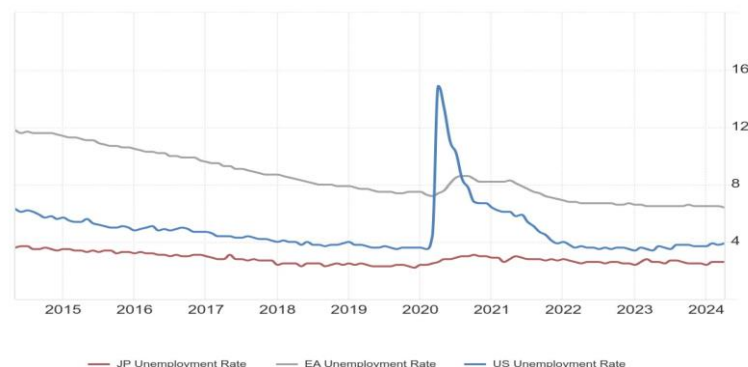
Source: tradingeconomics.com



Nguồn: BLS/EUROSTAT/Nikkei/Tradingeconomics

Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ, Nhật Bản và khu vực EURO

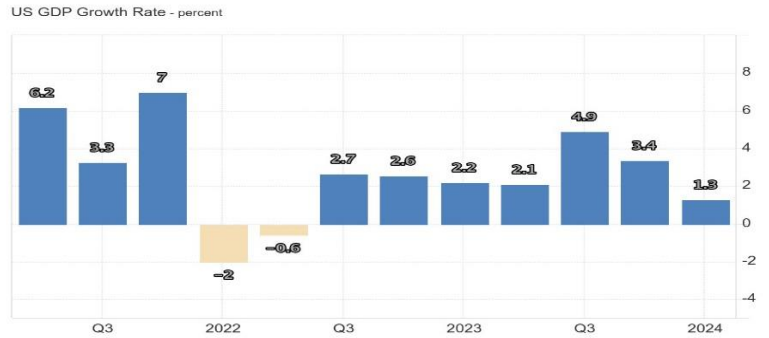
Source: tradingeconomics.com



Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp ở nền kinh tế lớn nhất thế giới (Mỹ) nhích nhẹ từ 3,8% tháng trước lên 3,9% trong tháng 4/2024, vượt dự báo và gây bất ngờ cho thị trường. Tỷ lệ tham gia lực lượng dân số lao động của Mỹ không đổi ở mức 62,7%.

Kinh tế Mỹ: Tăng trưởng kinh tế thực đạt 1,3%

Nền kinh tế lớn nhất thế giới trong quý I/2024 có mức tăng trưởng 1,3% y/y, thấp hơn mức 1,6% ước tính sơ bộ trước đó và thấp xa mức 3,4% của quý IV/2023 chủ yếu do tiêu dùng cá nhân thu hẹp. Mức tăng trưởng điều chỉnh ước tính lần thứ 2 này khớp với dự báo thị trường và tiếp tục cho thấy là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ nửa đầu năm 2022.



Source: tradingeconomics.com | U.S. Bureau of Economic Analysis

Nguồn: BLS/EUROSTAT/Tradingeconomics

II. Thị trường tài chính

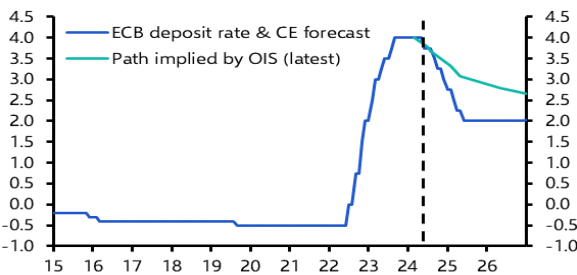
Động thái chính sách các NHTW lớn

FED cần chờ thêm dữ liệu

LÃI SUẤT (ĐIỂM CƠ BẢN)	XÁC SUẤT FED ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT TRONG CUỘC HỌP SẮP TỚI		
	HIỆN TẠI*	TUẦN TRƯỚC 24/05/2024	THÁNG TRƯỚC 03/05/2024
500-525	0.1%	0.0%	8.4%
525-550 (mức hiện tại)	99.9%	99.1%	91.6%
550-575	0.0%	0.9%	0.0%

* Dữ liệu đến ngày 03/06/2024 của CME

Khả năng ECB hạ lãi suất là rất cao



III. Thị trường hàng hóa thế giới

Giá dầu thế giới có tháng giảm mạnh nhất

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần (31/05/2024), hợp đồng dầu WTI giảm 92 cent (tương đương gần 1,2%) còn gần 78 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent giảm 24 cent (tương đương 0,29%) xuống còn 81,6 USD/thùng.

Trong cả tháng 5, dầu WTI giảm 6%, là tháng giảm mạnh nhất kể từ tháng 11/2023, còn dầu Brent giảm 7,1% trong tháng này.

Số liệu PCE (thước đo ưa thích của Fed) cuối tuần cho thấy lạm phát đã tăng với tốc độ chậm nhất trong năm nay, tăng trưởng kinh tế quý đầu năm cũng chậm hơn so với dự kiến ban đầu và tiêu dùng cũng giảm... sẽ khiến các nhà hoạch định chính sách của Fed sẽ còn phải chờ thêm dữ liệu để thấy rõ xu hướng lạm phát và do đó thận trọng hơn với quyết định hạ lãi suất.

Công cụ khảo sát xác suất biến động lãi suất của CME cho thấy không có xác suất Fed tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 6/2024.

Dù lạm phát tháng 5/2024 lại có dấu hiệu nhích lên nhưng khả năng ECB sẽ hạ lãi suất trong cuộc họp sắp tới là rất cao.

Mức cắt giảm có thể là 25 điểm cơ bản xuống còn 3,75%. Các nhà hoạch định chính sách của ECB thời gian qua đã đề cập nhiều đến việc cắt giảm lãi suất từ mức cao kỷ lục hiện tại là 4%. Tuần trước, Chủ tịch ngân hàng Christine Lagarde cho biết bà “thực sự tin tưởng lạm phát đã được kiểm soát”.

Nguồn: ECB/Fed/Reuters/Capital Economics

Giá vàng thế giới tăng 1,8% trong tháng 5

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần (31/05/2024), hợp đồng vàng giao ngay tăng đầu phiên nhưng sau đó giảm mạnh khoảng 0,7% còn 2.325,7 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai giảm 0,9% còn 2.346 USD/oz.

Cả tháng 5, vàng tăng 1,8%. Trong tháng, **vàng đạt mốc cao mọi thời đại 2,449.89 USD/oz** ngày 20/5/2024.

Nguồn: Kitco/Opec

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2024

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ do Thủ tướng Phạm Minh Chính chủ trì sáng 01/6/2024, Chính phủ thống nhất đánh giá: Tình hình kinh tế-xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2024 tiếp tục xu hướng tích cực, nhiều lĩnh vực tháng 5 đạt kết quả cao hơn tháng 4 và tính chung 5 tháng tốt hơn so với cùng kỳ năm 2023.

Kinh tế vĩ mô ổn định, đà tăng trưởng kinh tế được duy trì và thúc đẩy, các cân đối lớn được đảm bảo (3 khu vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ).

NHNN yêu cầu các tổ chức tín dụng thực hiện một số giải pháp về tín dụng và lãi suất

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 18/CĐ-TTg ngày 5/3/2024, Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 05/4/2024, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 2/5/2024, Thông báo kết luận số 231/TB-VPCP ngày 18/5/2024 và tiếp tục triển khai nhiệm vụ tại Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 15/1/2024 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2024, ngày 29/5/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã có văn bản số 4462/NHNN-CSTT yêu cầu các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Một số điểm tích cực về tình hình kinh tế, tài chính 5 tháng đầu năm:

- Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy bởi sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định; Sản xuất công nghiệp phục hồi tốt, tính chung 5 tháng tăng 6,8%, trong đó ngành chế biến chế tạo tăng 7,3%; Dịch vụ tiếp tục tăng mạnh: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 tăng 9,5%; 5 tháng tăng 8,7%). CPI tháng 5 tăng 0,05% so với tháng 4; bình quân 5 tháng tăng 4,03%.
- Ngoại thương tăng mạnh trong bối cảnh toàn cầu không thuận lợi. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 5 tăng 9,1% so với tháng 4 và tăng 22,6% so với cùng kỳ; tính chung 5 tháng tăng 16,6%, trong đó xuất khẩu tăng 15,2%; nhập khẩu tăng 18,2%. Nhập khẩu tăng trở lại phục vụ cho sản xuất trong nước.
- Đầu tư phát triển tích cực hơn: Thu hút FDI đạt 11 tỷ USD, tăng 2%, trong đó vốn đăng ký mới đạt 7,9 tỷ USD, tăng 27,5%, cao nhất trong 3 năm qua; vốn FDI thực hiện đạt 8,3 tỷ USD, tăng 7,8%, cao nhất từ năm 2020 tới nay.
- Tiêu dùng phục hồi mạnh: Khu vực dịch vụ tiếp tục tăng mạnh: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 tăng 9,5%; 5 tháng tăng 8,7%).
- Thu ngân sách Nhà nước tăng mạnh, tình hình tài chính-ngân sách Nhà nước tiếp tục được cải thiện. Tổng thu 5 tháng ước đạt 52,8% dự toán năm, tăng 14,8% so với cùng kỳ. Nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia và bội chi được kiểm soát thấp hơn giới hạn quy định.

Nguồn: chinhphu.vn/gso.gov.vn

Theo đó, NHNN yêu cầu:

* Tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, đơn giản hóa thủ tục cho vay, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để nỗ lực phân đầu giảm 1-2%/năm lãi suất cho vay, nhất là cho các động lực tăng trưởng truyền thống, các ngành mới nổi, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, nhà ở xã hội... Duy trì mặt bằng lãi suất huy động ổn định, hợp lý, phù hợp với khả năng cân đối vốn, khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh và năng lực quản lý rủi ro, ổn định thị trường tiền tệ và mặt bằng lãi suất thị trường.

* Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng trưởng tín dụng hiệu quả, đúng, trúng mục tiêu, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tín dụng của nền kinh tế, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế, phân đầu tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống

(TCTD) thực hiện một số giải pháp về tín dụng và lãi suất.

Phân đầu giảm 1-2%/năm lãi suất cho vay, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đến hết Quý II năm 2024 ở mức 5-6%.

Chủ động và tích cực truyền thông kịp thời, rõ ràng, đầy đủ về các chính sách, sản phẩm, dịch vụ của TCTD để giúp người dân, doanh nghiệp nắm bắt, hiểu rõ và tiếp cận các chương trình, chính sách của TCTD.

đến hết Quý II năm 2024 ở mức 5-6%; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

* Tích cực rà soát các dự án để đảm bảo cung ứng tín dụng kịp thời cho các dự án khả thi, đẩy nhanh việc xét duyệt cho vay, áp dụng các biện pháp, hình thức tài sản đảm bảo cho vay linh hoạt, phù hợp quy định của pháp luật, thuận lợi cho khách hàng vay vốn. Đẩy mạnh đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng phù hợp với từng phân khúc khách hàng, chú trọng phát triển các sản phẩm tín dụng mới đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống, tiêu dùng của người dân.

* Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội để tổ chức trao đổi, đối thoại với khách hàng vay vốn nhằm nắm bắt và kịp thời xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của khách hàng.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dừng đấu thầu vàng miếng, chuyển bán cho 4 NHTM lớn để trực tiếp bán ra thị trường

Sau 9 phiên đấu thầu vàng miếng, 48.500 lượng vàng SJC (khoảng 1,8 tấn) được cung ứng ra thị trường, chênh lệch giá vàng giữa trong nước và ngoài nước vẫn chưa giảm. Ngày 29/5/2024, NHNN quyết định dừng đấu thầu vàng miếng vì không giảm được chênh lệch giá với thế giới và thông báo sẽ trực tiếp bán vàng cho 4 ngân hàng thương mại (Vietcombank, VietinBank, BIDV và Agribank) để các ngân hàng này trực tiếp bán vàng tới người dân.

“Mục tiêu là sớm thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới về mức phù hợp và bền vững”.

Sau thời gian biến động mạnh, có lúc mức chênh lệch giữa giá trong nước và quốc tế lên đến hơn 15 triệu VND, cuối tuần qua giá vàng SJC đã giảm mạnh.

Nguồn: NHNN/SJC/GSO

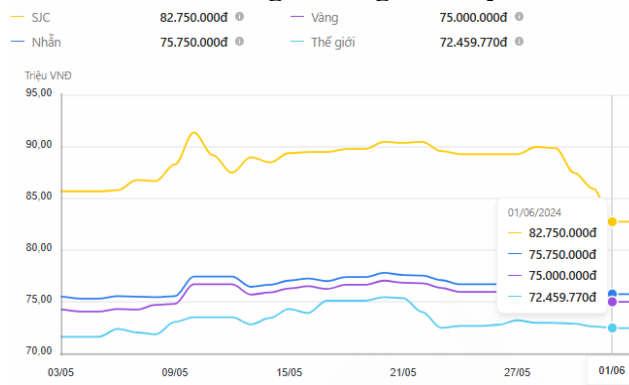
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) sản xuất của Việt Nam được S&P Global nhận định là không thay đổi khi đạt 50,3 trong tháng 5/2024 (tương đương tháng trước), cho thấy các điều kiện kinh doanh của ngành đã cải thiện nhẹ tháng thứ hai liên tiếp. Ngành sản xuất chỉ thay đổi nhẹ trong năm tháng đầu của năm 2024.

Sang tháng 5, số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng mạnh khi nhu cầu mạnh lên đã giúp các công ty thu hút được thêm khách hàng mới và có thêm đơn đặt hàng.

Tuy nhiên, tốc độ tăng là chậm hơn một chút so với tháng 4. Bên cạnh đó, có những lo ngại về số lượng việc làm và áp lực lạm phát. Việc làm tiếp tục giảm mạnh, từ đó có thể khiến năng lực sản xuất của các công ty bị hạn chế. Trong khi đó, tốc độ tăng chi phí là nhanh nhất trong thời gian gần

Quản lý thị trường vàng

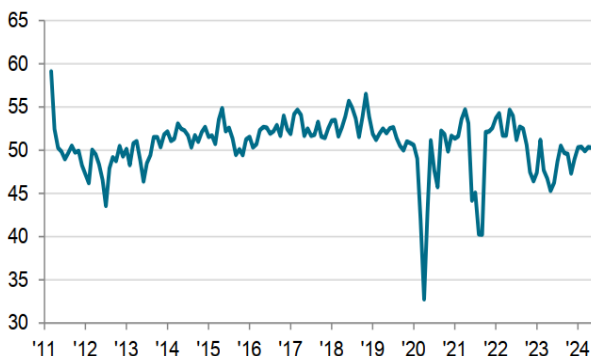
Diễn biến giá vàng tuần qua



Chỉ số giá vàng tháng 5/2024 tăng 3,81% m/m, tăng 21,47% so với cuối 2023, tăng 32,18% y/y; bình quân 5 tháng đầu năm 2024 tăng gần 23% (theo TCTK).

Tình hình sản xuất tháng 5/2024

PMI sản xuất của Việt Nam



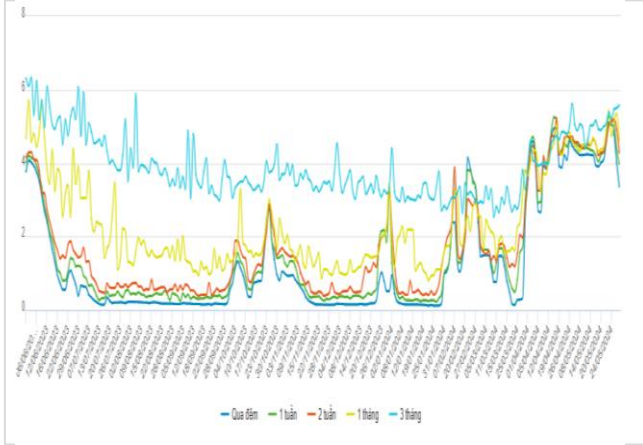
hai năm, từ đó khiến giá cả dầu ra tăng. Điều này có thể có tác động hạn chế nhu cầu trong những tháng tới.

Nguồn: S&P Global

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường liên ngân hàng



Trong tuần qua, lãi suất VND LNH giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn qua tất cả các phiên.

Chốt cuối ngày 31/05/2024, lãi suất VND LNH các kỳ hạn: ON 2,93% (-2,22 đpt); 1W 3,70% (-1,58 đpt); 2W 4,45% (-0,90 đpt); 1M 5,0% (-0,45 đpt).

Lãi suất USD LNH ít biến động trong tuần qua. Phiên 31/05, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,29% (-0,01 đpt); 1W 5,34% (+0,01 đpt); 2W 5,40% (không thay đổi) và 1M 5,43% (-0,02 đpt).

Sau giai đoạn tăng mạnh vào giữa tháng 5/2024 (lãi suất ON chạm mức 5,15% ngày 24/5/2024), lãi suất bình quân trên thị trường LNH hiện có xu hướng giảm. Lãi suất cho vay qua đêm đã giảm về mức thấp nhất trong 7 tuần lại đây trong bối cảnh áp lực tỷ giá đã hạ nhiệt.

Trên thị trường mở tuần qua, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở 2 kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với khối lượng là 30.000 tỷ VND, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Có 11.684,1 tỷ đồng trúng thầu và 27.888,58 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 30.200 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất trúng thầu 2 phiên đầu tuần giữ ở mức 4,20%/năm, 3 phiên cuối tăng lên mức 4,25%. Bên cạnh đó, có 6.700 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

Như vậy, NHNN hút ròng 39.704,48 tỷ VND từ thị trường trong tuần qua kênh thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 81.766,82 tỷ VND và khối lượng tín phiếu lưu hành ở mức 76,290,0 tỷ VND.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

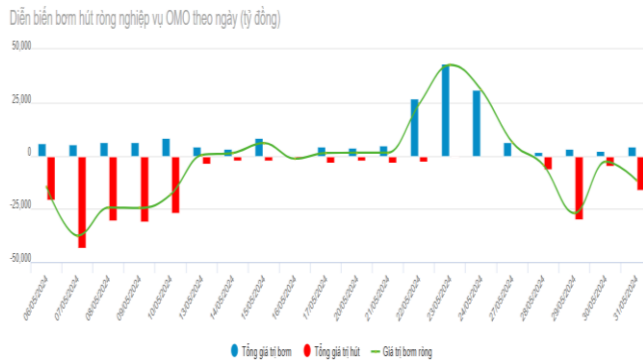
Trên thị trường quốc tế, chỉ số USD Index có lúc lên mức 105.13 điểm, sau lại về quanh mức 104 điểm.

Trong nước, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm đan xen qua các phiên. Chốt ngày 31/05/2024, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.261 VND/USD, giảm 03 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD ở tất cả các phiên. Tỷ giá USD liên ngân hàng trong tuần từ 27/05 - 31/05 giảm thấp hơn, không còn sát giá trần của NHNN. Kết thúc phiên 31/05, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.441 VND/USD, giảm 36 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

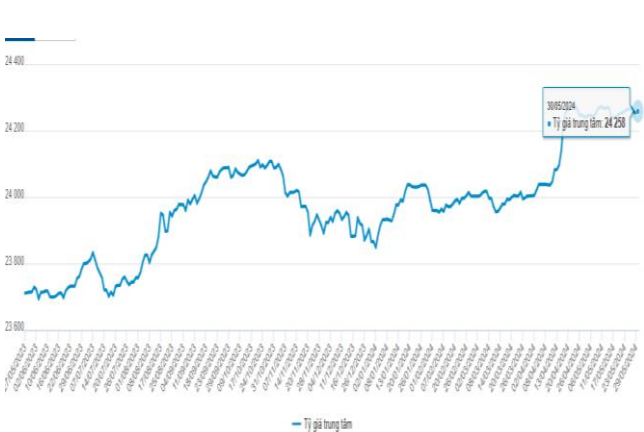
Tỷ giá trên thị trường tự do tăng lên trong tuần qua. Chốt phiên cuối tuần, tỷ giá tự do tăng 45 đồng ở chiều mua vào và 75 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.775 VND/USD và 25.855 VND/USD.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

Thị trường mở



Thị trường ngoại hối



C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
3685/VPCP-NN	Báo cáo định kỳ năm 2023 về kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh	29/05/2024		
18/CT-TTg	Về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030	28/05/2024		
79/NQ-CP	Về Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023//QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15	27/05/2024		Chinhphu.vn

* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	28/05/2024	Sbv.gov.vn

HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM